

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 57/2019/HNST

Ngày 01/10/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

Ông **Nguyễn Thanh Dũ**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hiếu** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2019/TLST – HN ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐST – HN ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Lệ C**, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

**Bi đơn**: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp THP, xã THT, huyện TP, tỉnh TG (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ C trình bày:*

*Về hôn nhân*: Tôi và anh T chung sống với nhau năm 2012, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do tôi đi làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh một tháng chỉ về nhà hai lần, anh T ở nhà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tôi nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi nên đầu năm 2019 đến nay tôi và anh T đã sống ly thân.

*Về con chung*: Tôi và anh T không có con chung.

*Về tài sản chung*: Anh T đang cất giữ 150.000.000 đồng.

*Nợ chung*: Không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau:

*Về hôn nhân*: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

*Về tài chung:* Tôi yêu cầu anh T chia cho tôi 75.000.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Tôi thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của chị C.

*Về con chung:* Không có.

*Về tài chung:* Tôi đồng ý chia cho chị C 75.000.000 đồng, thực hiện trong hạn 12 tháng kể từ ngày xét xử.

*Về nợ chung:* Không có.

*Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ C là có cơ sở nhưng do chị C và anh T không có đăng ký kết hôn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T. Về tài sản chung buộc anh T giao cho chị C 75.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử xác định.

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ C thuộc tranh chấp hôn nhân về việc “Xin ly hôn, chia tài sản chung” theo quy định tại Điều 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét bị đơn anh Đỗ Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã THT, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ C:

[3.1] *Về hôn nhân:* Xét chị Nguyễn Thị Lệ C và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị C xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ C và anh Đỗ Văn T.

[3.2] *Về con chung:* Chị C và anh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3] *Về tài sản chung:* Chị C và anh T thống nhất anh T sẽ giao cho chị C 75.000.000 đồng. Xét thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về thời gian thực hiện, chị C yêu cầu anh T giao một lần khi án có hiệu lực pháp luật, anh T xin giao trong hạn mười hai tháng kể từ ngày xét xử. Xét yêu cầu của chị C là có cơ sở vì số tiền trên do chị C lao động tạo nên giao cho anh T cất giữ làm tài sản chung, hiện tại anh T đã đem ra sử dụng thì phải có nghĩa vụ giao cho chị C. Anh T xin giao trong hạn mười hai tháng là cố ý kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp

của chị C và không được chị đồng ý nên không có cơ sở xem xét cho yêu cầu của anh T.

[3.4] Về nợ chung: Chị C và anh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 3.750.000 đồng án phí chia tài sản chung. Anh Đỗ Văn T không phải chịu án phí.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 14; 16; 51; 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ C đối với anh Đỗ Văn T.

1.1 *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ C và anh Đỗ Văn T.

1.2 *Về tài sản chung*: Buộc anh Đỗ Văn T giao cho chị Nguyễn Thị Lệ C số tiền là 75.000.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không giao số tiền nêu trên thì anh T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

### 2. *Về án phí*:

2.1 Chị Nguyễn Thị Lệ C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm và 3.750.000 đồng án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào 4.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19987 ngày 05/8/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, vậy chị C đã nộp đủ án phí.

2.2 Anh Đỗ Văn T không phải chịu án phí.

### 3. *Về quyền kháng cáo*:

Chị C và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ 20 phút ngày 01.10.2019, có mặt chị C và anh T.

**Nơi nhận:**

- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**